

Nguy cơ “chưa giàu đã già” ở Việt Nam

TRẦN ĐÀO

Với mức thu nhập quốc gia (GNI) bình quân đầu người còn cách xa so với mức giàu, trong khi dân số già hóa đến sớm và nhanh, nên Việt Nam đứng trước nguy cơ “chưa giàu đã già”. Muốn ngăn chặn nguy cơ “chưa giàu đã già”, cần có các giải pháp tác động làm chậm tốc độ già hóa dân số và tăng tốc độ thu nhập để làm giàu.

THẾ NÀO LÀ “GIÀU”, “GIÀ” VÀ “CHƯA GIÀU ĐÃ GIÀ”?

Nước giàu là nước có thu nhập quốc gia (GNI) tính bằng USD theo tỷ giá hối đoái bình quân đầu người đạt trên 20 nghìn USD. Việc tính bằng GNI chứ không phải là tổng sản phẩm trong nước (GDP), bởi giữa GDP và GNI có chênh lệch: Nếu thu nhập của người lao động nước sở tại từ nước ngoài gửi về thấp hơn thu nhập của người nước ngoài từ nước sở tại gửi ra nước ngoài và thu nhập sở hữu của nước ngoài tại nước sở tại, thì GNI sẽ nhỏ hơn GDP. Nếu ngược lại, thì GNI sẽ lớn hơn GDP.

Dân số già được Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) định nghĩa ở 4 cấp độ khác nhau: (1) “Dân số già hóa” khi số người từ 60 tuổi trở lên chiếm 7% tổng số dân; (2) “Dân số già” khi số người từ 60 tuổi trở lên chiếm 20% tổng số dân; số người từ 65 tuổi trở lên chiếm 14% tổng số dân; (3) “Dân số rất già” khi số người từ 60 tuổi trở lên chiếm 30% tổng số dân; số người từ 65 tuổi trở lên chiếm 21% tổng số dân; (4) “Dân số siêu già” khi số người từ 60 tuổi trở lên chiếm 35% tổng số dân; số người từ 65 tuổi trở lên chiếm 26% tổng số dân.

Như vậy, “chưa giàu đã già” là khi số năm để đạt chuẩn giàu dài hơn thời gian đạt chuẩn già.

VIỆT NAM TRƯỚC NGUY CƠ “CHƯA GIÀU ĐÃ GIÀ”

Nguy cơ này xuất phát từ hiện trạng và dự báo thời gian tới về các chỉ tiêu liên quan đến “già” và “giàu” của Việt Nam. Vấn đề “già hóa”.

Việt Nam bước vào thời kỳ “cơ cấu

dân số vàng” từ năm 2007, khi tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi chiếm khoảng 30%, tỷ lệ số người từ 60 tuổi trở lên chiếm dưới 10%, tỷ lệ số người từ 65 tuổi trở lên chiếm dưới 7%, bình quân 1 người trong tuổi lao động nuôi từ 1-2 người phụ thuộc... Theo thông lệ thế giới, “cơ cấu dân số vàng” có thể diễn ra tương đối dài (30-40 năm); nhiều nước còn kéo dài hơn (Pháp 100 năm, Thụy Điển 85 năm, Mỹ 75 năm...); ở Việt Nam được dự báo ngắn hơn, có thể kéo dài đến năm 2035. Tuy nhiên, thực tế mấy năm nay cho thấy, “cơ cấu dân số vàng” có thể sẽ sớm kết thúc, được dự đoán là vào năm 2025, tức là sớm hơn hàng chục năm so với dự đoán trước đây và dân số già hóa đến sớm, diễn ra nhanh ngay trong thời kỳ “cơ cấu dân số vàng”. Tỷ lệ số người trên 60 tuổi vào năm 2011 đã chiếm 9,9%, vào năm 2019 chiếm 12,7%, dự đoán vào năm 2038 sẽ vượt 20% và năm 2049 sẽ vượt 25%.

Già hóa dân số của Việt Nam diễn ra sớm và nhanh do 2 yếu tố chủ yếu sau:

Về yếu tố sinh, tỷ suất sinh đã giảm tương đối nhanh từ 18,6‰ vào năm 2005 xuống còn 14,8‰ năm 2018 (năm 2019, do Tổng cục Thống kê điều chỉnh theo kết quả Tổng Điều tra dân số, nên đã tăng lên 16,3‰); tỷ lệ tăng tự nhiên đã giảm từ 13,3‰ năm

BẢNG 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN “GIÀ” VÀ “GIÀU” CỦA VIỆT NAM NĂM 2019

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
1. Tỷ lệ sinh	‰	16,30
2. Tỷ lệ tăng tự nhiên	‰	10,00
3. Tổng tỷ suất sinh	Số con/phụ nữ	2,09
4. Tuổi thọ bình quân	Năm	73,60
5. Tỷ lệ người trên 60 tuổi	%	12,70
6. Tỷ lệ người trên 65 tuổi	%	8,30
7. GNI bình quân đầu người	USD/người	2.549

Nguồn: Tổng cục Thống kê



Tốc độ già hóa dân số ở Việt Nam rất nhanh

2005, xuống còn dưới 7,8% năm 2018 (và 10% năm 2019). Tổng tỷ suất sinh đã giảm từ 2,11 con/phụ nữ năm 2005 xuống còn 2,05 con/phụ nữ năm 2018 (và còn 2,09 con/phụ nữ năm 2019) - tức là ở dưới mức sinh thay thế.

- Về yếu tố thọ, tuổi thọ trung bình của Việt Nam đã tăng và thuộc loại cao. Nếu năm 1960, tuổi thọ trung bình của Việt Nam là 40, trong khi của thế giới là 48 - Việt Nam thấp hơn 8 năm - thì đến năm 2019, tuổi thọ trung bình của Việt Nam là 73,6 năm, trong khi của thế giới là 71 - Việt Nam cao hơn 2,6 năm. Tuổi thọ trung bình của Việt Nam cao thứ 5 ở Đông Nam Á, thứ 23 ở châu Á và thứ 76 trên thế giới.

Vấn đề "giàu".

Trong thời kỳ "cơ cấu dân số vàng", Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Kết quả tích cực nhất trong thời kỳ "cơ cấu dân số vàng", đồng thời cũng là thời kỳ Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), GDP bình quân đầu người tính bằng USD theo tỷ giá hối đoái năm 2008 đạt 1.145 USD - lần đầu tiên vượt qua mốc 1.000 USD - Việt Nam chuyển từ nhóm nước có thu nhập thấp sang nhóm nước có thu nhập trung bình, một dấu ấn quan trọng trong phát triển của đất nước. Nếu tính theo tỷ giá sức mua tương đương (PPP) đạt 4.075 USD. Nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội có sự cải thiện đáng kể, xuất khẩu tăng, tỷ lệ nghèo giảm...

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đứng trước nguy cơ "chưa giàu đã già", khi so với "chuẩn già", thì đến sớm, đến nhanh, còn so với "chuẩn giàu", thì còn cách khá xa. "Cách khá xa" được xem xét ở nhiều góc độ, nhưng chủ yếu ở 3 góc độ sau:

Ở góc độ thứ nhất, so với tiêu chí cơ bản nhất của một nước được coi là giàu, thì GNI bình quân đầu người tính bằng USD theo tỷ giá hối đoái, đến năm 2019 mới đạt 2.549 USD. Năm 2019 so với năm 2010, GDP bình quân đầu người tính bằng USD theo tỷ giá

hối đoái tăng 108,3%, bình quân 1 năm tăng gần 8,5% - đó là tốc độ tăng khá cao. Nếu tăng với tốc độ này, để đạt 20.000 USD/người, thì Việt Nam phải mất 25 năm nữa, tức là phải đến năm 2044. Nếu thời kỳ "cơ cấu dân số vàng" của Việt Nam kết thúc vào năm 2025, thì dân số Việt Nam đã bước vào già hóa trước khi giàu khoảng 19 năm.

Ở góc độ thứ hai, trong cơ cấu kinh tế của Việt Nam hiện nay, tỷ trọng khu vực kinh tế trong nước còn thấp, trong khi tỷ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở mức lớn (chiếm trên 1/5 tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, 1/5 GDP, 1/2 giá trị sản xuất công nghiệp, gần 3/4 kim ngạch xuất khẩu... Tỷ trọng lớn này cùng với một số yếu tố khác (vốn FDI tăng, kiểu hối giảm tốc, ODA ưu đãi giảm và chuyển thành vay thương mại...) sẽ là những yếu tố làm cho GNI so với GDP của Việt Nam thấp và có xu hướng ngày một thấp (năm 2005 bằng 98,18%; năm 2010 còn 96,19%; năm 2015 còn 94,87%; năm 2019 còn khoảng 93% và tiếp tục giảm trong những năm tới).

Ở góc độ thứ ba, nỗi lo "chưa giàu đã già" là nỗi lo "kép". "Già" tác động đến cả hai đầu của "giàu". Ở đầu thu nhập - nội dung chủ yếu của "giàu" - thì "già" đã tác động đến một số yếu tố. Cơ cấu lao động đang làm việc có sự chuyển dịch theo hướng: tỷ trọng số lao động ở lứa tuổi trẻ giảm (từ 15-24 tuổi năm 2005 là 21%, năm 2019 còn 12,5%; từ

25-49 tuổi năm 2005 là 63,3%, năm 2019 là 60,1%); tỷ trọng số lao động ở lứa tuổi cao tăng (trên 50 tuổi năm 2005 là 16,3%, năm 2019 là 27,3%). Điều đó sẽ làm cho mức năng suất lao động và tốc độ tăng năng suất lao động sẽ khó cao, do tính năng động, sáng tạo và ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ cao, công nghệ mới, nhất là thời kỳ Cách mạng Công nghiệp 4.0, lứa tuổi cao sẽ bị hạn chế so với lứa tuổi còn trẻ.

Ở đầu chi tiêu, tiêu thụ - động lực của sản xuất và tăng trưởng - thì "già" tác động đến đầu "giàu" trên một số mặt. Người già có nhu cầu tiêu thụ, tiêu dùng thấp hơn người trẻ cả về số lượng, số loại, trình độ công nghệ, chất lượng hàng hóa, dịch vụ... Người già có tâm lý chi tiêu tiết kiệm để "tích cốc phòng cơ". Người già của Việt Nam có khoảng 2,8-3 loại bệnh, thường là bệnh mãn tính, nên chi phí về y tế, bảo vệ sức khỏe tăng. Các chính sách xã hội còn phải được mở rộng và tăng lên, nhưng khó theo kịp với nhu cầu. Trong khi đó, tỷ lệ số người phụ thuộc trên số lao động đang làm việc ngày một gia tăng... Tích lũy của người già ở Việt Nam hiện còn thấp.

NGĂN CHẶN NGUY CƠ "CHƯA GIÀU ĐÃ GIÀ" Ở VIỆT NAM

Để ngăn chặn nguy cơ "chưa giàu đã già", cần có các giải pháp tác động về hai phía là: (i) Làm chậm tốc độ già hóa dân số; (ii) Tăng tốc độ thu nhập, theo đó:

Thứ nhất là làm chậm tốc độ già hóa dân số. Trong các giải pháp, cần quan tâm đến việc khuyến khích sinh đẻ đối với nhiều vùng, nhất là ở những khu vực, vùng hiện có tỷ suất sinh thấp hơn của cả nước (như: thành thị, Đông Nam Bộ,

Đồng bằng sông Cửu Long), các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có tỷ suất sinh dưới 12‰¹. Tăng tổng tỷ suất sinh, nhất là ở khu vực thành thị, vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là các tỉnh/thành phố có tổng tỷ suất sinh thấp dưới 1,8 con/phụ nữ. Việc khuyến khích sinh đẻ có thể mở rộng với nhiều hình thức, như: khuyến khích phụ nữ kết hôn (chẳng hạn trước 25 tuổi với nữ và trước 30 tuổi với nam); tăng thời gian nghỉ thai sản lên đối với con thứ 2; trợ cấp cho các con thứ 2...

Thứ hai là tăng tốc độ thu nhập để làm giàu xét cả về hai mặt. Một mặt, cần khẩn trương đưa tốc độ tăng GDP bình quân đầu người tính bằng USD theo tỷ giá hối đoái. Muốn vậy, phải tăng quy mô GDP tính theo VND (với giá so sánh cần đạt trong thời gian dài của kế hoạch 5 năm, chiến lược 10 năm...). Mặt khác, cần thực hiện tốt các nội dung: (1) Mở cửa để vừa học tập, vừa khai thác nhu cầu của thị trường thế giới; (2) Giữ ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát thấp và có nền tài chính công bền vững; (3) Phân bổ nguồn lực theo thị trường, để thị trường điều tiết nguồn lực; (4) Có đội ngũ lao động và bộ máy hành chính có năng lực, xứng đáng được tin cậy, có quyết tâm thúc đẩy tăng trưởng đống bộ và lâu dài; (5) Có chiến lược "phát triển hướng về tương lai": khuyến khích tiết kiệm tiêu dùng và tiết kiệm tài nguyên, bảo đảm lợi ích đầu tư dài hạn của người dân và doanh nghiệp, ưu tiên nguồn lực đầu tư dài hạn của người dân và doanh nghiệp, ưu tiên nguồn lực đầu tư công cho xây dựng hạ tầng, bảo vệ tài nguyên cho phát triển bền vững. Như vậy, phải có tăng trưởng cao từ 7% trở lên trong 2-3 thập niên là điều kiện cần.

Ngoài ra, cần phải ổn định tỷ giá VND/USD để khi tính bằng USD theo tỷ giá hối đoái mới đạt kết quả cao. Muốn ổn định tỷ giá, cần kiểm soát lạm phát theo mục tiêu, tăng lượng ngoại tệ về Việt Nam từ các nguồn (xuất khẩu, khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), dòng vốn đầu tư nước ngoài gián tiếp (FII), chi tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam...) giảm thiểu tâm lý cất trữ ngoại tệ... Mặt khác, giảm chênh lệch giữa GNI và GDP trên cơ sở tăng mạnh hơn thu nhập thuần túy từ nước ngoài, giảm chi ra nước ngoài. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Thống kê (2019). *Số liệu thống kê. Dân số và lao động*
2. Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam (2011). *Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách*, truy cập tại https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/Ageing%20report_VIE_27.07%20%281%29.pdf
3. Tổng cục Dân số (2019). *Tỷ suất chết thô theo thành thị/nông thôn và vùng, 2008-2018*, truy cập từ <http://gopfp.gov.vn/trang-tin-chi-tiet-so-lieu/-chi-tiet/ty-suat-chet-tho-thco-thanh-thi-nong-thon-va-vung-2008-2018-9505-5.html>

¹ Các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có tỷ suất sinh dưới 12‰ gồm: Đồng Tháp, Tây Ninh, Bạc Liêu, Khánh Hòa, Bến Tre, Vĩnh Long, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Tiền Giang, Cần Thơ, Thái Bình

² Các tỉnh/thành phố có tổng tỷ suất sinh thấp dưới 1,8 con/phụ nữ gồm: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Khánh Hòa, Tây Ninh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu, Cần Thơ, Tiền Giang, Sóc Trăng, Cà Mau, An Giang, Hậu Giang